

TINIDAZOL 500 mg

THUỐC KÊ ĐƠN, THUỐC NÀY CHỈ SỬ DỤNG THEO SỰ KÊ ĐƠN CỦA BÁC SĨ

* THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén bao phim chứa

- Tinidazol.....500 mg
- Tá dược : Tinh bột ngô, Avicel, Povidon, Sodium starch glycolat, Magnesi stearat, Hydroxypropylmethyl cellulose 15 cP, Hydroxypropylmethyl cellulose 6 cP, Polyethylen glycol 6000, Talc , Titan dioxyd.....vừa đủ 1 viên nén bao phim.

* DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén bao phim.

* QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 1 vỉ x 4 viên nén bao phim.

* CHỈ ĐỊNH:

* Dự phòng:

Nhiễm khuẩn sau phẫu thuật do các vi khuẩn kỵ khí, đặc biệt các nhiễm khuẩn liên quan tới phẫu thuật đại tràng, dạ dày và phụ khoa.

* Điều trị:

- Nhiễm khuẩn trong ổ bụng: Viêm màng bụng, áp xe.
- Nhiễm khuẩn phụ khoa: Viêm nội mạc tử cung, viêm cơ nội mạc tử cung, áp xe vòi buồng trứng.
- Nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn vết thương sau phẫu thuật, nhiễm khuẩn da và mô mềm.
- Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên và dưới: Viêm phổi, viêm màng phổi mũ, áp xe phổi.
- Viêm âm đạo không đặc hiệu, viêm loét lợi cấp, nhiễm *Trichomonas* sinh dục tiết niệu cả nam và nữ, nhiễm *Giardia*, nhiễm amip ruột, amip cư trú ở gan.

* CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG: Uống trong hoặc sau bữa ăn

* Người lớn: Phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật: Liều duy nhất 4 viên trước phẫu thuật 12 giờ.

- Nhiễm khuẩn kỵ khí: Ngày đầu uống 4 viên, sau đó uống 2 viên/lần/ngày hoặc 1 viên x 2 lần/ngày, trong 5 – 6 ngày.
- Viêm âm đạo không đặc hiệu, viêm loét lợi cấp, nhiễm *Trichomonas*, nhiễm *Giardia* : Liều duy nhất 4 viên/lần/ngày (điều trị cả vợ lẫn chồng).
- Nhiễm amip ruột : 4 viên/lần /ngày, trong 2 - 3 ngày.
- Nhiễm amip gan : Tổng liều thay đổi từ 4,5 – 12g, tùy thuộc vào độc lực của *Entamoeba histolytica*. Liều ban đầu uống 1,5 – 2g/lần/ngày x 3 ngày, có thể tiếp tục lên 6 ngày nếu đợt điều trị 3 ngày không hiệu quả.
- * Trẻ em: Nhiễm *Trichomonas* sinh dục tiết niệu, *Giardia*, amip ruột, amip gan : 50 - 70mg/kg/ngày, uống một lần, có thể dùng liều lặp lại (nếu cần).

* CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với tinidazol.
- Loạn tạo máu hoặc có tiền sử loạn chuyển hóa porphyrin cấp.
- Ba tháng đầu của thai kỳ; người mẹ đang cho con bú, rối loạn thần kinh.

* DƯỢC LỰC HỌC:

Tinidazol là dẫn chất imidazol. Thuốc thâm nhập vào tế bào của vi sinh vật và phá hủy chuỗi DNA hoặc ức chế tổng hợp DNA. Tinidazol có tác dụng phòng và điều trị các nhiễm khuẩn đường mật hoặc đường tiêu hóa, điều trị áp xe và điều trị các nhiễm khuẩn kỵ khí như viêm cân mạc hoại tử và hoại thư sinh hơi. Trên thực tế thường gặp các nhiễm khuẩn hỗn hợp, do vậy cần phối hợp tinidazol với các kháng sinh khác một cách hợp lý để có thể loại trừ được cả các vi khuẩn hiếu khí hoặc kỵ khí nghi ngờ.

* DƯỢC ĐỘNG HỌC:

- Tinidazol được hấp thu hầu hết sau khi uống và nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt khoảng 40 microgam/ml sau 2 giờ dùng liều duy nhất 2g, tụt xuống 10 microgam/ml sau 24 giờ và 2,5 microgam/ml sau 48 giờ. Với liều duy trì 1g hằng ngày có thể duy trì được nồng độ trên 8 microgam/ml. Nửa đời thải trừ trong huyết tương là 12 – 14 giờ.
- Tinidazol được phân bố rộng rãi và nồng độ đạt được ở mật, sữa, dịch não tủy, nước bọt và các mô khác trong cơ thể tương tự với nồng độ trong huyết tương, thuốc dễ dàng qua nhau thai. Chỉ có 12% gắn vào protein huyết tương. Thuốc chưa chuyển hóa và các chất chuyển hóa của thuốc được bài tiết trong nước tiểu và một phần ít hơn trong phân.

* THẬN TRỌNG :

Không nên dùng các chế phẩm có chứa rượu trong khi điều trị.

* TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Cimetidin làm giảm thải trừ tinidazol ra khỏi cơ thể do cimetidin ức chế chuyển hóa tinidazol ở gan nên làm tăng cả tác dụng điều trị lẫn độc tính.

- Rifampicin làm tăng thải tinidazol do tăng chuyển hóa tinidazol ở gan và làm giảm tác dụng điều trị.

*** TÁC DỤNG PHỤ:**

- Thường gặp: Viêm tĩnh mạch huyết khối, buồn nôn, ăn không ngon, đau bụng, thay đổi vị giác nhất thời.

- Ít gặp: Chóng mặt, nhức đầu, nôn, tiêu chảy.

- Hiếm gặp: Dị ứng, sốt, giảm bạch cầu có hồi phục, viêm miệng, ngoại ban, ngứa, phát ban da, đau khớp, bệnh thần kinh ngoại biên, nước tiểu sẫm.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

*** QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:**

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ : rửa dạ dày hoặc bằng thẩm tách máu.

*** KHUYẾN CÁO:**

- Đọc kỹ hướng dẫn trước khi dùng, nếu cần thêm thông tin hỏi ý kiến của Bác sĩ.

- Thuốc này chỉ dùng theo đơn của Bác sĩ.

- Để xa tầm tay trẻ em.

*** BẢO QUẢN:**

- Dưới 25⁰C, tránh ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

*** TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:** Tiêu chuẩn cơ sở.